

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1933/TTr-KHĐT ngày 03 tháng 11 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được chuẩn hóa: Chi tiết có Phụ lục I đính kèm 76 thủ tục. Nội dung chi tiết của từng thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/hủy bỏ, hủy công khai lĩnh vực đấu thầu, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Công bố bổ sung mới 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện theo Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền Quyết định chủ trương đầu tư cho UBND cấp huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Chi tiết, có phụ lục II đính kèm.

3. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ: Chi tiết tại Phụ lục III đính kèm bãi bỏ 79 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 2.** Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm công khai, thực hiện và hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố công khai, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *SDM*

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, KSTTHC, (16b) *kh*



Nguyễn Dương Thái



**Phụ lục I**  
**MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HẢI DƯƠNG**  
 kèm theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2018  
 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương.

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

(Nội dung chi tiết được công bố tại Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ VÀ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP</b>					
<b>Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</b>					
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hồ kinh doanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi,</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				đổi từ hộ kinh-doanh	bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh	thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp  - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, do thay đổi địa giới hành chính	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 78/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp  - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 78/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				mạng điện tử.	bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp  - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp  - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Hải Dương)	- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyên nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp  - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp  - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ.	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	ương đương khác		Hải Dương)		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>
20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>
21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nêu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nêu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Cơ sở pháp lý
26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sau khi Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp và Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 300.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp, thời điểm đề nghị công bố</li> <li>- Miễn phí trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính dẫn đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp</li> <li>- Miễn phí công bố lần đầu trong trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
27	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Khi nhận Thông báo mẫu con dấu/Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu, số lượng con dấu/Thông báo về việc huỷ mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Miễn phí khi công bố mẫu con dấu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> </ul>
28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>
30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>
32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 50.000 đồng đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 50.000 đồng đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh - Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 50.000 đồng, nộp lại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>
36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
37	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	Khi nhận hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện bổ sung, thay đổi thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp  - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
38	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không có	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;
39	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp  - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				mạng điện tử	bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
40	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>
41	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi,</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				mạng điện tử	bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
42	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>
43	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp trực tiếp hồ sơ</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
44	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp trực tiếp hồ sơ</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>
45	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp trực tiếp hồ sơ</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
46	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty có phần và công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp trực tiếp hồ sơ</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>
47	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty có phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp trực tiếp hồ sơ</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
48	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đổi	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp trực tiếp hồ sơ - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đổi	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp trực tiếp hồ sơ - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
50	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 199 Luật Doanh nghiệp.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp trực tiếp hồ sơ  - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp trực tiếp hồ sơ  - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
52	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	- 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Cơ sở pháp lý
	chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	(Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	nộp trực tiếp hồ sơ - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử)	về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
53	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	Không quy định.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	- 100.000 đồng/ lần đổi với trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Miễn lệ phí trong các trường hợp: không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Cơ sở pháp lý
				doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy định tại các điều từ Điều 49 đến Điều 54 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính	
<b>Mục 2. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội</b>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
54	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp thành lập mới doanh nghiệp xã hội: + 100.000 đồng/lần (Lệ phí cấp mới, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) (Nộp tại thời điểm nộp hồ sơ).</li> <li>+ Miễn phí (phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)</li> <li>- Đối với các doanh nghiệp đang hoạt động: + Miễn phí (Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				nghiep)	
55	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Miễn phí (Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/ 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/ 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</li> </ul>
56	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Miễn phí (Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp.</li> <li>- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Cơ sở pháp lý
					<p>bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp</p>
57	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	<p>+ 100.000 đồng/lần (Lệ phí cấp mới, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) (Nộp tại thời điểm nộp hồ sơ).</p> <p>+ Miễn phí (phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/ 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/ 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.</p>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
<b>II LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA</b>					
<b>Mục 1. Thành lập và hoạt động quỹ khởi nghiệp sáng tạo</b>					
58	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không có	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.
59	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không có	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.
60	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không có	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
61	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không có	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.
62	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	Chưa quy định	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Chưa quy định	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.
<b>Mục 2. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn</b>					
63	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không có	+ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017; + Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
64	Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên	Trong thời hạn 10 ngày làm việc.	Cơ quan đầu mối thuộc Bộ và Cơ quan ngang Bộ được giao tổ chức hoạt động mạng lưới tư vấn viên	Không có	+ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017; + Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
65	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không có	+ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017; + Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
<b>III LĨNH VỰC ĐẦU THẦU</b>					
66	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất	- Đối với dự án quan trọng Quốc gia: Không quá 90 ngày - Đối với dự án nhóm A: không quá 40 ngày - Đối với dự án nhóm B, nhóm C: không quá 30	- Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không có	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		ngày			
67	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với dự án nhóm A: Tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</li> <li>- Đối với dự án nhóm B: Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)</li> </ul>	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.</li> </ul>
68	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với dự án quan trọng Quốc gia: Không quá 90 ngày</li> <li>- Đối với dự án nhóm A: không quá 40 ngày</li> <li>- Đối với dự án nhóm B, nhóm C:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)</li> </ul>	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		không quá 30 ngày			
<b>IV LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN</b>					
69	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp sử dụng ngân sách địa phương: 15 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.</li> <li>- Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương thì thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 58 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)</li> <li>- UBND cấp tỉnh có văn bản cam kết hỗ trợ vốn.</li> </ul>	Không có	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
70	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: 113 Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không có	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.
71	Giải ngân khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp	Trong thời hạn 05 ngày làm việc Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh giải ngân khoản vốn hỗ trợ theo đề nghị của doanh nghiệp	Kho bạc Nhà nước tỉnh (Địa chỉ: 62 Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).	Không có	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

(Nội dung chi tiết được công bố tại Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
----	------------------------	---------------------	--------------------	--------------------	----------------

### I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH

72	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ	Bộ phận một cửa thuộc UBND huyện/thị xã/thành phố nơi hộ kinh	100.000 đồng/lần (Nộp tại thời điểm nộp hồ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ</li> </ul>
----	---------------------------------	--	---	--	---

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		sơ hợp lệ.	doanh đặt trụ sở chính	sơ)	<p>Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p> <p>- Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Hải Dương quyết định điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương.</p>
73	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu hộ kinh doanh chuyển địa chỉ từ tỉnh, thành phố khác về tỉnh Hải Dương thì thời hạn là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ	Bộ phận một của thuộc UBND huyện/thị xã/thành phố nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở chính	100.000 đồng/lần (Nộp tại thời điểm nộp hồ sơ)	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Cơ sở pháp lý
		sơ lược lệ			--Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Hải Dương quyết định điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
74	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa thuộc UBND huyện/thị xã/thành phố nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh	100.000 đồng/lần (Nộp tại thời điểm nộp hồ sơ)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</li> <li>- Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Hải Dương quyết định điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương.</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
75	Tạm ngừng hoạt động hệ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa thuộc UBND huyện/thị xã/thành phố nơi đã cấp đăng ký kinh doanh	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</li> <li>- Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Hải Dương quyết định điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương.</li> </ul>
76	Chấm dứt hoạt động hệ kinh doanh	Không quy định	Bộ phận một cửa thuộc UBND huyện/thị xã/thành phố nơi đã cấp đăng ký kinh doanh	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2017</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p> <p>- Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Hải Dương quyết định điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương.</p>

## Phụ lục II

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC  
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**  
(Kèm theo Quyết định số 4368/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2018  
của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)



### LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

**Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư tại Bộ phận một cửa thuộc UBND cấp huyện nơi dự định thực hiện dự án đầu tư.

- Bước 2: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước cấp huyện, tỉnh có liên quan đến những nội dung quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP.

- Bước 3: Cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi cơ quan đăng ký đầu tư.

Cơ quan quản lý về đất đai chịu trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ; cơ quan quản lý về quy hoạch cung cấp thông tin quy hoạch để làm cơ sở thẩm định.

- Bước 4: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Nội dung báo cáo thẩm định gồm:

+ Thông tin về dự án: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;

+ Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

+ Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

+ Đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Đối với dự án không đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư (đánh giá nhà đầu tư có được sử dụng địa điểm đầu tư theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật đất đai hay không).

+ Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư.

- Bước 5: Khi nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quyết định chủ trương đầu tư gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận một cửa thuộc UBND cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

c) Thành phần, số lượng bộ hồ sơ:

\* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức, hộ kinh doanh;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Bản sao một trong các tài liệu sau: Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

\* Số lượng hồ sơ: 04 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định. Cơ quan quản lý về đất đai chịu trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ; cơ quan quản lý về quy hoạch cung cấp thông tin quy hoạch để làm cơ sở thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ

ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan đăng ký đầu tư.

Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư.

đ) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành và phòng, ban có liên quan.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Hộ kinh doanh có thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích dưới 0,5 héc ta;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh theo mẫu II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT hoặc Văn bản thông báo từ chối quyết định chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do).

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;
- Đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư
- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và biểu mẫu báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam
- Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền Quyết định chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

**Mẫu I.1**

**Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư**

*(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: ..... *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

*a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên: ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: .....

Ngày cấp: ..... / ..... / ..... Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*: .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ..... / ..... / ..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**2. Nhà đầu tư tiếp theo:** thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

**II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Tên dự án đầu tư: .....

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

**III. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

#### **V. HỒ SƠ KÈM THEO**

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư *(tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo)*.

- Các hồ sơ liên quan khác *(nếu có)*:

Làm tại ....., ngày .....tháng

.....năm.....

**Nhà đầu tư**

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu*(nếu có)*

## Mẫu I.2

### Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư –  
Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

## CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày .... tháng ... năm....)

#### I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

#### II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

##### 1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: .....

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường/phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

##### 2. Mục tiêu dự án:

S TT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2	.....			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (\*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.



### 3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế: .....
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: .....
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng ( $m^2$  hoặc ha): .....
- Quy mô kiến trúc xây dựng (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...*):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

**4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất** (*áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư*)

#### 4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (*địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý*);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (*nếu có*);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (*nếu có*):

### 5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: ..... (*bằng chữ*) đồng và tương đương ..... (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: ... (*bằng chữ*) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*);
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...;
- Chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;

- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.

- Chi phí dự phòng;

Cộng: .....

b) Vốn lưu động: .... (bằng chữ) đồng và tương đương ..... (bằng chữ) đô la Mỹ.

## 5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

### Ghi chú:

(\*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác: .....

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án: .....

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ ....

8. Nhu cầu về lao động (nếu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể): .....

### 9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ....).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

**11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):** .....

**III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ** (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

**1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

**2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

**3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

**4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):** .....

Làm tại ....., ngày ..... tháng  
.....năm.....

**Nhà đầu tư**

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÀI BỎ**

**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Quyết định số ~~4368~~ 10Đ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2018  
của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)



**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>I. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ VÀ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP</b>			
<b>1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</b>			
1	<u>HDU-280966</u>	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;
2	<u>HDU-280968</u>	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	
3	<u>HDU-280969</u>	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	
4	<u>HDU-280970</u>	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
5	<u>HDU-280971</u>	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
6	<u>HDU-280972</u>	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
7	<u>HDU-280974</u>	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
8	<u>HDU-280977</u>	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	
9	<u>HDU-280981</u>	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
10	<u>HDU-280997</u>	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
11	<u>HDU-281004</u>	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
12	<u>HDU-281006</u>	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	
13	<u>HDU-281010</u>	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	
14	<u>HDU-281013</u>	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	
15	<u>HDU-281014</u>	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
16	<u>HDU-281015</u>	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
17	<u>HDU-281016</u>	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	
18	<u>HDU-281017</u>	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	
19	<u>HDU-281018</u>	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp	

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
		tu nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
20	<u>HDU-281019</u>	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	
21	<u>HDU-281020</u>	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
22	<u>HDU-281021</u>	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
23	<u>HDU-281022</u>	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
24	<u>HDU-281023</u>	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo ủy quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
25	<u>HDU-281024</u>	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
26	<u>HDU-281025</u>	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP);

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
27	<u>HDU-281026</u>	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
28	<u>HDU-281027</u>	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
29	<u>HDU-281028</u>	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
30	<u>HDU-281029</u>	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	
31	<u>HDU-281030</u>	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
32	<u>HDU-281031</u>	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
33	<u>HDU-281032</u>	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
34	<u>HDU-281033</u>	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).	
35	<u>HDU-281034</u>	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
36	<u>HDU-281036</u>	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	
37	<u>HDU-281037</u>	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân		
38	<u>HDU-281038</u>	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC	
39	<u>HDU-281039</u>	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp		
40	<u>HDU-281040</u>	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp		
41	<u>HDU-281041</u>	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp		
42	<u>HDU-281042</u>	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp		
43	<u>HDU-281043</u>	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp		
44	<u>HDU-281044</u>	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		
45	<u>HDU-281045</u>	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		
46	<u>HDU-281046</u>	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần		
47	<u>HDU-281047</u>	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên		
48	<u>HDU-281048</u>	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		
49	<u>HDU-281049</u>	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn		
50	<u>HDU-281109</u>	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều



STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPI. quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
			của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
51	<u>HDU-281722</u>	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
52	<u>HDU-281117</u>	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	
<b>2. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội</b>			
53	<u>HDU-281169</u>	Thông báo cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC
54	<u>HDU-281170</u>	Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
55	<u>HDU-281171</u>	Thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
56	<u>HDU-281182</u>	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội	
<b>H. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU</b>			
<b>Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)</b>			
57	<u>HDU-281389</u>	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
58	<u>HDU-281393</u>	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
59	<u>HDU-281396</u>	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
60	<u>HDU-281378</u>	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của nhà đầu tư	
61	<u>HDU-281383</u>	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia của nhà đầu tư	
<b>Đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</b>			
62	<u>HDU-281369</u>	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
63	<u>HDU-281372</u>	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	
<b>Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu</b>			

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
64		Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
65		Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	
<b>III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN</b>			
66	<u>HDU-281403</u>	Thủ tục cấp Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
67		Thủ tục nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	
68	<u>HDU-281410</u>	Thủ tục nghiệm thu dự án hoàn thành đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ</b>			
<b>I. Đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</b>			
1	<u>HDU-281416</u>	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
2	<u>HDU-281418</u>	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	
<b>Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu</b>			
3		Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
4	<u>HĐU-281423</u>	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	tư.
<b>II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH</b>			
5	<u>HĐU-281185</u>	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	- Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Hải Dương quyết định điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
6	<u>HĐU-281189</u>	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	
7	<u>HĐU-281203</u>	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	
8	<u>HĐU-281195</u>	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	
9	<u>HĐU-281199</u>	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>I. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU</b>			
		<b>Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu</b>	
		Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đấu tư theo hình thức đối tác công tư.
	<u>HĐU-281425</u>	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	